

Bản án số: 18/2020/HNGĐ - ST  
Ngày: 18/8/2020  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Nguyễn Thị Thu Dung;  
2/ Ông Lê Thanh Sơn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2020/TLST – HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa: 11/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Huỳnh Thế N

***- Bị đơn:*** Chị Đậu Thị Hằng H

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2020; các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Huỳnh Thế N trình bày:*

Anh và chị Đậu Thị Hằng H có tình cảm, yêu thương được gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2012. Quá trình chung sống giữa vợ chồng luôn bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã dẫn đến nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, từ năm 2017 đến nay giữa vợ chồng anh không có sự hòa hợp, nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Vân A, sinh ngày 04/12/2012, hiện nay con đang ở với chị H. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị H nuôi và tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N trình bày không có.

*Tại bản tự khai ngày 15/5/2020; các lời khai tại Tòa bị đơn là chị Đậu Thị Hằng H trình bày:*

Chị H thừa nhận lời trình bày của anh N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Chị với anh N có đăng ký kết năm 2012 tại UBND xã Đ, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc và có một con chung nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài mặc dù chị đã cố gắng cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả, nay anh N yêu cầu ly hôn, chị đồng ý; chị hiện đang nuôi con chung là Huỳnh Ngọc Vân A, sinh ngày 04/12/2012, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 3.000.000đ; vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của anh N là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử cho anh N được ly hôn chị H; giao con chung Huỳnh Ngọc Vân A, sinh ngày 04/12/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ; về tài sản chung, về nợ chung: Không có. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:*

**[1] Về tố tụng:** Bị đơn là chị Đậu Thị Hằng H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

## **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Thế N và chị Đậu Thị Hằng H kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H là hợp pháp.

Anh N và chị H đều thừa nhận cuộc sống hôn nhân giữa anh chị luôn cãi vã nhau do bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, hiện tại anh chị đã không còn chung sống với nhau, anh N yêu cầu ly hôn, chị H đồng ý. Điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho anh chị, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh N là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh N và chị H có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Vân A, sinh ngày 04/12/2012. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con mỗi tháng 3.000.000đ.

HĐXX xét thấy, chị H đang nuôi con ổn định, cháu A có nguyện vọng được ở với mẹ, anh N cũng đồng ý giao con chung cho chị H nuôi. Vì vậy, yêu cầu xin nuôi con của chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị H yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000đ, anh N không đồng ý; chị H yêu cầu mức cấp dưỡng là 3.000.000đ/tháng nhưng chị H không có chứng cứ chứng minh điều kiện kinh tế của anh N. Trong khi đó, anh N không có việc làm, hiện ở nhà phụ cha mẹ việc chăn nuôi, không có thu nhập, quá trình giải quyết vụ án anh N tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 1.000.000đ. Theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”* đây là nghĩa vụ của cha mẹ. Do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không mà người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên cần buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Huỳnh Ngọc Vân A, sinh ngày 04/12/2012 mỗi tháng 1.000.000đ là phù hợp khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng tính từ ngày 18/8/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí: Vì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con cũng phải chịu án phí không có giá ngạch nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch tổng số tiền là 600.000đ (trong đó, án phí hôn nhân là 300.000đ và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đ) nhưng

anh N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ nên được khấu trừ. Anh N còn phải tiếp tục chịu án phí số tiền 300.000đ.

[2.5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 235, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Thế N**

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Thế N được ly hôn chị Đậu Thị Hằng H.
2. Về con chung: Giao con chung Huỳnh Ngọc Vân A, sinh ngày 04/12/2012 cho chị Đậu Thị Hằng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Huỳnh Thế N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng tính từ ngày 18/8/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét
4. Về án phí: Anh Huỳnh Thế N phải chịu 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002592, ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Anh N còn phải tiếp tục chịu án phí số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

**Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/8/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện ;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Vân**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Dung**

**Lê Thanh Sơn**

**Nguyễn Thị Bích Vân**



